Phụ lục 1

Thông tin về nhà cung cấp được lựa chọn

(Đính kèm Quyết định số: 2327 /QĐ-BVĐKĐN ngày 06/11/2026 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

STT	Tên nhà cung cấp	Giá trúng (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói mua sắm	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hà	50.376.000	12 tháng	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.238.187.600	12 tháng	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo Sài Gòn	254.760.000	12 tháng	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty Cổ phần Quốc tế Trường Thái	181.440.000	12 tháng	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	154.538.400	12 tháng	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức	7.058.035.500	12 tháng	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
7	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG	2.556.522.400	12 tháng	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Phụ lục 2
Danh sách các mặt hàng được lựa chọn
(Đính kèm Quyết định số: /QĐ-BVĐKĐN ngày /11/2026 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

TT	Mã thuốc trong thông báo chào giá	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên công ty
1	BD31	BDG	Ebastel 20 mg	Ebastine	20 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	840110187400	Industrias Farmaceuticas Almirall, S.A	Tây Ban Nha	Viên	7.200	25.200	181.440.000	Công ty Cổ phần Quốc tế Trường Thái
2	BD06	BDG	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	VN-22715-21	AstraZeneca Pty., Ltd.	Úc	Ống	2.500	13.545	33.862.500	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức
3	BD10	BDG	Lantus solostar	Insulin glargine	100 đơn vị/1ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Hộp 05 bút tiêm x 3ml	QLSP-857-15	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH.	Đức	Bút tiêm	800	257.145	205.716.000	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức
4	BD14	BDG	Lynparza	Olaparib	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 7 vỉ x 8 viên	001110403223	Cơ sở sản xuất: AbbVie Limited; Cơ sở đóng gói và chịu trách nhiệm xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Limited	Nước sản xuất: Mỹ; Nước đóng gói và chịu trách nhiệm xuất xưởng lô: Anh	Viên	800	1.171.800	937.440.000	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức
5	BD16	BDG	Tavanic	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate 512,46mg)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 5 viên nén bao phim	VN-19455-15	Opella Healthcare International SAS	Pháp	Viên	3.000	36.550	109.650.000	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức
6	BD26	BDG	Tagrisso	Osimertinib (tương ứng 95,4mg Osimertinib mesylat)	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN3-36-18	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	2.100	2.748.270	5.771.367.000	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức
7	BD28	BDG	Fosmicin tablets 500	Fosfomycin calcium hydrate	500mg (potency)	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-15983-12	Meiji Seika Pharmatech Co., Ltd.	Nhật Bản	Viên	10.000	21.900	219.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo Sài Gòn
8	BD29	BDG	Meiact 200mg	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	840110070323	Meiji Pharma Spain, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	1.200	29.800	35.760.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo Sài Gòn
9	BD09	BDG	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	800110406323	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	4.800	983	4.718.400	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
10	BD19	BDG	Remeron 30	Mirtazapine	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	500110036225	Organon Pharma (UK) Limited	Anh	Viên	6.000	17.626	105.756.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
11	BD24	BDG	Medrol	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	800110991824	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	12.000	3.672	44.064.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
12	BD32	BDG	Cebrex	Cao khô lá Ginkgo biloba (Extractum Folium Ginkgo biloba Siccus) (35-67:1)	40mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 20 viên	400200133600 (VN-14051-11)	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Germany	Viên	12.000	4.198	50.376.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hà
13	BD01	BDG	Betaserc 24mg Tablets 5x10's	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	300110779724	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	30.000	6.516	195.480.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG

TT	Mã thuốc trong thông báo chào giá	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên công ty
14	BD03	BDG	Zinnat Tab 500mg 10's	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20514-17	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Viên	50.000	22.130	1.106.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG
15	BD07	BDG	Duspatalin Retard 200mg Capsules 3x10's	Mebeverin hydroclorid	200mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	300100982124	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	28.800	5.870	169.056.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG
16	BD13	BDG	Ketosteril Tab 100's	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci; L-lysin acetat (tương đương với L-lysin); L-threonin; L-tryptophan; L-histidin; L-tyrosin	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0 mg; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci 86,0 mg; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0 mg; L-lysin acetat 105,0 mg (tương đương với 75 mg L-lysin); L-threonin 53,0 mg; L-tryptophan 23,0 mg; L-histidin 38,0 mg; L-tyrosin 30,0 mg.	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 20 viên nén bao phim	VN-16263-13	Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A	Bồ Đào Nha	Viên	36.000	14.200	511.200.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG
17	BD18	BDG	Diamicron MR Tab 30mg 60's	Gliclazide	30mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Hộp 2 vỉ x 30 viên	VN-20549-17	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	12.000	2.682	32.184.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG
18	BD20	BDG	CONCOR COR TAB 2.5MG 3X10'S	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	400110194100	Merck Healthcare KGaA	Đức	Viên	24.000	3.147	75.528.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG
19	BD22	BDG	Elthon 50mg Tablets 2x10's	Itoprid hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-18978-15	Katsuyama Pharmaceuticals K.K., Katsuyama Plant.	Nhật	Viên	72.000	4.796	345.312.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG
20	BD35	BDG	MIACALCIC 50IU/ML 1MLx5'S	Calcitonin cá hồi tổng hợp	50IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 1ml	400110129124	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Germany	Ống	1.200	101.052	121.262.400	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG
21	BD02	BDG	TRELEGY ELLIPTA 100/62.5/25MCG 1'S	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenatate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenatate)	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenatate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenatate)	Hít qua miệng	Thuốc bột hít phân liều	Hộp có 1 dụng cụ hít chứa 30 liều hít	500110439823	Glaxo Operations UK Ltd (trading as Glaxo Wellcome Operations)	Anh	Hộp	300	948.780	284.634.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

TT	Mã thuốc trong thông báo chào giá	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên công ty
22	BD04	BDG	Ibrance 75mg Cap 1x7's	Palbociclib	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 7 viên	400110406523	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Viên	1.260	569.100	717.066.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
23	BD08	BDG	Harnal Ocas 0.4mg Tab 3x10's	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	870110780724	Delpharm Meppel B.V.	Hà Lan	Viên	7.000	14.700	102.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
24	BD11	BDG	Ibrance 100mg Cap 1x7's	Palbociclib	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 7 viên	400110024325	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Viên	1.008	602.700	607.521.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
25	BD12	BDG	Ibrance 125mg Cap 1x7's	Palbociclib	125mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 7 viên	400110406423 (VN3-296-20)	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Viên	2.520	659.400	1.661.688.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
26	BD15	BDG	Exforge 5mg/80mg 2x14	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-16344-13	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	78.000	9.987	778.986.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
27	BD17	BDG	Avodart Cap 0.5mg 3x10's	Dutasteride	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-17445-13	Delpharm Poznań S.A.	Ba Lan	Viên	7.000	17.257	120.799.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
28	BD21	BDG	Forxiga Tab 10mg 2x14's	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN3-37-18	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSĐG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Mỹ, CSĐG và xuất xưởng lô: Anh	Viên	30.000	19.000	570.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
29	BD23	BDG	AUGMENTIN TABLET 1G 2x7'S	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-20517-17	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	Viên	80.000	16.680	1.334.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
30	BD27	BDG	Femara 2.5mg 3x10	Letrozole	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	760114186923	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Stein AG; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Novartis Farma S.p.A.	Cơ sở sản xuất: Thụy Sỹ; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Ý	Viên	500	68.306	34.153.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
31	BD34	BDG	Symbicort Rapihaler 160/4,5mcg 120Dose	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Hít/Dạng hít	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Hộp 1 túi nhôm x 1 bình xịt 120 liều	300110006424	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	Bình	60	434.000	26.040.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
Tổng cộng: 31 mặt hàng															***16.493.859.900***	

Phụ lục 3
Danh sách nhà cung cấp và danh mục hàng hóa không được lựa chọn
(Đính kèm Quyết định số: /QĐ-BVĐKĐN ngày /11/2026 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai)

STT	Mã thuốc trong thông báo chào giá	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá chào hàng	Tên công ty tham dự	Lý do không đạt
1	BD30	BDG	Ebastel 10 mg	Ebastine	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	840110187300	Industrias Farmaceuticas Almirall, S.A	Tây Ban Nha	Viên	15.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	Kết quả trúng thầu của Bệnh viện hạng 2.
2	BD33	BDG	Cebrex S	Cao khô lá Ginkgo biloba (Extractum Folium Ginkgo biloba Siccus) (35 - 67:1) [được tiêu chuẩn hoá để đạt ginkgo flavon glycosid 19,2mg và terpen lacton (ginkgolid, bilobalid) 4,8mg] Dung môi chiết xuất: Aceton 60% (kl/kl)	80 mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 20 viên	400200723024 (VN-14052-11)	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Germany	Viên	8.400	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hà	* QĐ trúng thầu quá 12 tháng. * Không có công bố giá
3	BD25	BDG	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Hộp 1 bình xịt 200 liều	VN-18791-15	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Bình xịt	105.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	Kết quả trúng thầu của Bệnh viện hạng 2.
4	BD05	BDG	Keppra Tab 500mg 60's	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-18676-15	UCB Pharma SA	Bỉ	Viên	16.918	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	Quyết định trúng thầu công ty cung cấp là của Công ty TNHH MTV Dược Liệu TW2